

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 16 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã
giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Cà Mau

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 13 (CHUYÊN ĐỀ)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã
giai đoạn 2023 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính
phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã
giai đoạn 2023 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ/TU ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Ban Chấp
hành Đảng bộ tỉnh về Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XVI;*

*Xét Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Cà Mau về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 -
2025 tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND ngày 10
tháng 4 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ 13 (Chuyên đề) đã
thảo luận và thống nhất.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn
2023 - 2025 của tỉnh Cà Mau, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Đối với sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau:

Nhập nguyên trạng Phường 2 (có diện tích tự nhiên 0,25 km², đạt 4,60% so
với tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.748 người, đạt 96,40% so với tiêu chuẩn); một
phần Phường 9 (có diện tích tự nhiên là 0,57 km², quy mô dân số 4.116 người) và
một phần Phường 4 (có diện tích tự nhiên là 1,61 km², quy mô dân số 12.614

người) để hình thành Phường 2. Điều chỉnh phần còn lại của Phường 4 (có diện tích tự nhiên 0,27 km², quy mô dân số 146 người) nhập vào phường Tân Xuyên.

Sau khi sắp xếp, Phường 2 có diện tích tự nhiên 2,43 km², quy mô dân số 23.478 người; Phường 9 còn lại có diện tích tự nhiên 6,47 km², quy mô dân số 14.205 người; phường Tân Xuyên có diện tích tự nhiên 20,70 km², quy mô dân số 9.838 người.

Theo đó, thành phố Cà Mau còn lại 16 xã, phường (gồm: Phường 1, Phường 2, Phường 5, Phường 6, Phường 7, Phường 8, Phường 9, phường Tân Xuyên, phường Tân Thành và các xã: Lý Văn Lâm, An Xuyên, Hòa Tân, Hòa Thành, Định Bình, Tân Thành, Tắc Vân).

2. Đối với việc mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân:

Điều chỉnh một phần Xã Nguyễn Việt Khái (có diện tích 1,43 km², quy mô dân số 578 người) nhập vào thị trấn Cái Đôi Vàm (có diện tích tự nhiên 22,57 km², quy mô dân số 18.348 người). Sau khi sắp xếp, thị trấn Cái Đôi Vàm có diện tích tự nhiên 24,00 km², quy mô dân số 18.926 người; Xã Nguyễn Việt Khái còn lại có diện tích tự nhiên 107,05 km², quy mô dân số 17.363 người.

(Nội dung chi tiết được thể hiện trong Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Cà Mau).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ, Đề án sớm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ 13 (Chuyên đề) thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐA-UBND

Cà Mau, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 CỦA TỈNH CÀ MAU**

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (viết tắt là ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 7178/BNV-CQĐP ngày 07/12/2023 về việc góp ý Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 tỉnh Cà Mau và Công văn số 120/BNV-CQĐP ngày 09/01/2024 về việc phương án sắp xếp Phường 2 thuộc thành phố Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

**Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
2. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.
3. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14.
4. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

5. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

6. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

7. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

8. Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

9. Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Cà Mau (Phương án số 01/PA-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh); Kết luận số 298-KL/TU ngày 06/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau thống nhất Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Cà Mau.

10. Công văn số 7178/BNV-CQĐP ngày 07/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc góp ý Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 tỉnh Cà Mau và Công văn số 120/BNV-CQĐP ngày 09/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc phương án sắp xếp Phường 2 thuộc thành phố Cà Mau.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH CÀ MAU

1. Sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau

Căn cứ Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

Theo đó, Phường 2, thành phố Cà Mau có diện tích tự nhiên là 0,25 km², đạt 4,60% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.748 người, đạt 96,40% so với tiêu chuẩn, thuộc diện phải thực hiện sắp xếp theo quy định “Sắp xếp các ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15” (viết tắt là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC).

2. Điều chỉnh Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Thị trấn Cái Đôi Vàm là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện Phú Tân; là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tuy nhiên, theo thực tế còn một số trụ sở các cơ quan như: Huyện ủy, Hội

đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân và các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện đều đóng trên phần diện tích của ấp Cái Đôi Nhỏ, Xã Nguyễn Việt Khái và Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đến năm 2030, thì việc mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm là phù hợp với quy hoạch và là chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện cho những năm tiếp theo.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xét thấy cần phải điều chỉnh địa giới hành chính giữa Xã Nguyễn Việt Khái và thị trấn Cái Đôi Vàm cho phù hợp với thực trạng hiện nay và định hướng phát triển lâu dài. Đồng thời, việc sáp nhập một phần diện tích của Xã Nguyễn Việt Khái vào thị trấn Cái Đôi Vàm để trụ sở các cơ quan hành chính của huyện được tập trung nằm trên địa giới hành chính thị trấn Cái Đôi Vàm.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH CÀ MAU

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, GIẢI THỂ, NHẬP, CHIA, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH CÀ MAU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Cà Mau từ năm 1945 đến nay (chia ra các giai đoạn: 1945 - 1975; 1975 - 1997; 1997 - 2018 và từ 2019 đến nay)

*** *Giai đoạn 1945 - 1975:***

Ngày 09/3/1956, theo Sắc lệnh 32/VN, chính quyền Sài Gòn lấy quận Cà Mau, quận Quảng Xuyên và 4 xã của quận Giá Rai: Định Thành, Hoà Thành, Tân Thành, Phong Thạnh Tây lập thành tỉnh Cà Mau. Ngày 22/10/1956, chính quyền Sài Gòn ra Sắc lệnh 143/VN đổi tên tỉnh Cà Mau thành tỉnh An Xuyên.

*** *Giai đoạn 1975 - 1997:***

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tháng 02/1976, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra Nghị định hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam. Hai tỉnh Cà Mau (An Xuyên) và Bạc Liêu thành tỉnh Minh Hải. Tỉnh Minh Hải có thị xã Cà Mau, thị xã Minh Hải và 7 huyện: Vĩnh Lợi, Hồng Dân, Giá Rai, Châu Thành, Thới Bình, Trần Văn Thời, Ngọc Hiển.

Ngày 11/7/1977, Hội đồng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 181-CP giải thể huyện Châu Thành. Các xã của huyện này được nhập vào các huyện Giá Rai, Trần Văn Thời và Thới Bình.

Ngày 29/12/1978, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 326-CP, lập thêm 6 huyện mới: Phước Long, Cà Mau, U Minh, Phú Tân, Cái Nước, Năm Căn. Số huyện trong tỉnh tăng lên 12 huyện.

Ngày 30/8/1983, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 94-HĐBT, giải thể huyện Cà Mau, các xã của huyện này được sáp nhập vào thị xã Cà Mau và các huyện Giá Rai, Thới Bình, Cái Nước, tỉnh còn lại 2 thị xã và 11 huyện.

Ngày 17/5/1984, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 75-HĐBT đổi tên thị xã Minh Hải thành thị xã Bạc Liêu. Hợp nhất huyện Hồng Dân và huyện Phước Long lấy tên là huyện Hồng Dân. Hợp nhất huyện Cái Nước và huyện Phú Tân thành huyện Cái Nước.

Ngày 17/12/1984, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 168-HĐBT về việc đổi tên một số huyện thuộc tỉnh Minh Hải, theo đó đổi tên huyện Năm Căn (cũ) thành huyện Ngọc Hiển (mới). Đổi tên huyện Ngọc Hiển (cũ) thành huyện Đầm Dơi (mới). Thời điểm này tỉnh Minh Hải có 2 thị xã (thị xã Cà Mau, thị xã Bạc Liêu) và 9 huyện: Vĩnh Lợi, Hồng Dân, Giá Rai, Thới Bình, U Minh, Cái Nước, Trần Văn Thời, Đầm Dơi, Ngọc Hiển.

*** Giai đoạn 1997 - 2018:**

Ngày 06/11/1996, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá IX đã phê chuẩn việc tách tỉnh Minh Hải ra làm 2 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu, thực hiện từ ngày 01/01/1997. Tỉnh Cà Mau có 01 thị xã (Cà Mau) và 6 huyện (Thới Bình, U Minh, Trần Văn Thời, Cái Nước, Đầm Dơi, Ngọc Hiển) và 72 ĐVHC cấp xã.

Ngày 14/4/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 21/1999/NĐ-CP thành lập thành phố Cà Mau trực thuộc tỉnh Cà Mau.

Ngày 25/6/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/1999/NĐ-CP về việc thành lập xã thuộc các huyện Đầm Dơi, Trần Văn Thời, Cái Nước và Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29/8/2000, Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2000/NĐ-CP về việc chia tách, thành lập xã thuộc các huyện Ngọc Hiển, Đầm Dơi, Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22/4/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2003/NĐ-CP về việc thành lập xã thuộc các huyện Cái Nước và U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17/11/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 138/2003/NĐ-CP thành lập huyện Năm Căn và Phú Tân trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính huyện Ngọc Hiển và huyện Cái Nước.

Ngày 23/11/2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 192/2004/NĐ-CP về việc thành lập xã thuộc các huyện Cái Nước và Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05/9/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 113/2005/NĐ-CP về việc thành lập xã thuộc các huyện Đầm Dơi, Trần Văn Thời, Thới Bình và Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04/6/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 24/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã; thành lập xã, phường, thị trấn thuộc huyện U Minh, huyện Ngọc Hiển và thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

*** Giai đoạn 2019 đến nay:**

Số lượng ĐVHC của tỉnh Cà Mau không thay đổi (không có thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh ĐVHC các cấp).

2. Số lượng ĐVHC các cấp đến thời điểm lập Đề án

- Cấp huyện: 01 thành phố, 8 huyện.
- Cấp xã: 82 xã, 10 phường, 9 thị trấn.

II. ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH

1. Tỉnh Cà Mau

1.1. Diện tích tự nhiên: 5.274,51 km².

1.2. Quy mô dân số: 1.516.967 người (trong đó, dân số thực tế thường trú là 1.513.460 người, bao gồm dân số đăng ký thường trú nhưng không cư trú là 122.882 người; dân số tạm trú quy đổi là 3.507 người).

(Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2022)

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh *(số liệu tính đến thời điểm tháng 12/2023)*.

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá so sánh: 45.471 tỷ đồng; tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá thực tế: 82.578 tỷ đồng; cơ cấu kinh tế (giá thực tế): ngư, nông lâm 31,8%, công nghiệp, xây dựng 31,4%, dịch vụ 32,9%, thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm 3,9%; GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) 68,4 triệu đồng.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 24.000 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu 1.202 triệu USD; thu ngân sách 5.748 tỷ đồng; chi ngân sách 12.004,5 tỷ đồng.

Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo: 0,81%; tỷ lệ lao động qua đào tạo: 55%; giải quyết việc làm 45.966 lao động; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 96,2%; tỷ lệ dân số tham gia BHXH bắt buộc 96,6%; tỷ lệ dân số tham gia BHXH tự nguyện 7,1%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm thất nghiệp 89,9%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 100%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới 73,2%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 5,6%; tỷ lệ đô thị hóa 32%.

Tổng sản lượng thủy sản 634.369 tấn; tổng diện tích nuôi tôm 278.635 ha; sản lượng lúa 568.375 tấn; diện tích có rừng tập trung 93.093 ha; số km đường giao thông nông thôn xây dựng trong năm 500 km; sản lượng chế biến tôm đông 189.888 tấn; sản lượng điện sản xuất 5.873 Tr.KWh; sản lượng đạm, NPK 1.038.000 tấn; tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia 99,98 %; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 91.031 tỷ đồng.

Đào tạo, bồi dưỡng và dạy nghề 29.702 lao động; tỷ lệ gia đình được công nhận văn hóa 91%; tỷ lệ xã có Trung tâm Văn hóa - thể thao 84%; tổng số khách du lịch 2.078.400 lượt người; tổng doanh thu du lịch 2.908 tỷ đồng; tổng số trường đạt chuẩn quốc gia 374 trường, đạt tỷ lệ 76%.

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện

2.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện: 09 (08 huyện: Thới Bình, U Minh, Trần Văn Thời, Cái Nước, Phú Tân, Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển và 01 thành phố Cà Mau).

2.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện phải thực hiện sắp xếp: Không có.

2.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp: Không có.

2.4. Số lượng ĐVHC cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: Không có

3. Số lượng ĐVHC cấp xã

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã: 101 (82 xã, 10 phường, 09 thị trấn).

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp: 02 (01 xã, 01 phường).

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: Không có.

3.4. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: 01 (01 thị trấn).

3.5. Số lượng ĐVHC cấp xã: Liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: 04 (01 xã, 03 phường).

III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

1.1. Phường 2, thành phố Cà Mau

1.1.1. Thuộc khu vực, có yếu tố đặc thù: Khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

1.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,25 km².

1.1.3. Quy mô dân số 6.748 người (trong đó, dân số thực tế thường trú là 6.737 người; dân số tạm trú quy đổi là 11 người).

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 1.733 người (chiếm tỷ lệ 25,68%).

1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp Phường 5; Phía Tây giáp Phường 9; Phía Nam giáp Phường 7 và Phường 8; Phía Bắc giáp Phường 4.

1.2. Xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau

1.2.1. Thuộc khu vực, có yếu tố đặc thù: Không có.

1.2.2. Diện tích tự nhiên: 5,59 km².

1.2.3. Quy mô dân số: 13.875 người (trong đó, dân số thực tế thường trú là 13.857 người; dân số tạm trú quy đổi là 18 người).

1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 793 người (chiếm tỷ lệ 5,71%).

1.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

1.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp tỉnh Bạc Liêu; Phía Tây giáp xã Định Bình và xã Tân Thành; Phía Nam giáp xã Định Bình và tỉnh Bạc Liêu; Phía Bắc giáp tỉnh Bạc Liêu.

Xã Tắc Vân là ĐVHC xã thuộc diện phải thực hiện sắp xếp. Tuy nhiên, xã Tắc Vân cơ bản đạt tiêu chuẩn để thành lập phường, Ủy ban nhân dân tỉnh đang xây dựng Phương án thành lập Phường theo ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 7178/BNV-CQĐP ngày 07/12/2023.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: Không có.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp xã (01 thị trấn) thuộc diện khuyến khích sắp xếp

3.1. Thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân

3.1.1. Thuộc khu vực có yếu tố đặc thù: Không có.

3.1.2. Diện tích tự nhiên: 22,57 km²

3.1.3. Quy mô dân số 18.348 người (trong đó, dân số thực tế thường trú là 18.315 người; dân số tạm trú quy đổi là 33 người).

3.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 615 người (chiếm tỷ lệ 3,36%).

3.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

3.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Tân Hải và xã Rạch Chèo; Phía Tây giáp Biển Tây; Phía Nam giáp Xã Nguyễn Việt Khái; Phía Bắc giáp xã Tân Hải.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp (gồm: 01 xã và 03 phường)

4.1. Phường 4, thành phố Cà Mau

4.1.1. Thuộc khu vực, có yếu tố đặc thù: Không có.

4.1.2. Diện tích tự nhiên: 1,88 km².

4.1.3. Quy mô dân số 12.760 người (trong đó, dân số thực tế thường trú là 12.632 người; dân số tạm trú quy đổi là 128 người).

4.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 1.234 người (chiếm tỷ lệ 9,67%).

4.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

4.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp phường Tân Xuyên; Phía Tây giáp Phường 2; Phía Nam giáp phường Tân Thành, Phường 5; Phía Bắc giáp Phường 9.

4.2. Phường 9, thành phố Cà Mau

4.2.1. Thuộc khu vực, có yếu tố đặc thù: Không có.

4.2.2. Diện tích tự nhiên: 7,037 km².

4.2.3. Quy mô dân số 18.321 người (trong đó, dân số thực tế thường trú là 18.306 người; dân số tạm trú quy đổi là 15 người).

4.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 760 người (chiếm tỷ lệ 4,15%).

4.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

4.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp Phường 4; Phía Tây giáp Phường 1 và phường Tân Xuyên; Phía Nam giáp Phường 2; Phía Bắc giáp phường Tân Xuyên.

4.3. Phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau

4.3.1. Thuộc khu vực, có yếu tố đặc thù: Không có.

4.3.2. Diện tích tự nhiên: 20,43 km².

4.3.3. Quy mô dân số 9.692 người (trong đó, dân số thực tế thường trú là 9.665 người; dân số tạm trú quy đổi là 27 người).

4.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 161 người (chiếm tỷ lệ 1,66%).

4.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

4.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp phường Tân Thành; Phía Tây giáp Phường 1, Xã Hồ Thị Kỷ huyện Thới Bình; Phía Nam giáp Phường 4, Phường 9; Phía Bắc giáp xã An Xuyên.

4.4. Xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân

- Thuộc khu vực, có yếu tố đặc thù: Không có.

- Diện tích tự nhiên: 108,48 km².

- Quy mô dân số 17.941 người (trong đó, dân số thực tế thường trú là 17.861 người; dân số tạm trú quy đổi là 80 người).

- Số dân là người dân tộc thiểu số 538 người (chiếm tỷ lệ 3,01%).

- Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Rạch Chèo; Phía Tây giáp Biển Tây; Phía Nam giáp cửa Sông Bảy Háp; Phía Bắc giáp thị trấn Cái Đôi Vàm.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH CÀ MAU

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP

1. Sắp xếp ĐVHC đô thị cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp

Nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của Phường 2 (có diện tích tự nhiên 0,25km², đạt 4,60% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số 6.748 người, đạt 96,40% so với tiêu chuẩn); một phần Phường 9 (có diện tích tự nhiên là

0,57 km², quy mô dân số 4.116 người)¹ và một phần Phường 4 (có diện tích tự nhiên là 1,61km², quy mô dân số 12.614 người)² để hình thành Phường 2; điều chỉnh một phần còn lại diện tích tự nhiên 0,27km², quy mô dân số 146 người của Phường 4 nhập vào phường Tân Xuyên (để đảm bảo thuận lợi trong quản lý và phù hợp quy hoạch phát triển đô thị của thành phố Cà Mau).

1.1. Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC Phường 2:

Sắp xếp các ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định, Phường 2 có diện tích tự nhiên là 0,25 km², đạt 4,60% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.748 người, đạt 96,40% so với tiêu chuẩn, có vị trí liền kề với Phường 4, Phường 9.

Điều chỉnh lại địa giới hành chính tạo thuận lợi trong quản lý, phạm vi ranh giới rõ ràng hơn do đi theo các trục đường chính; hạ tầng được tập trung đầu tư, sau khi sắp xếp đảm bảo theo quy hoạch được phê duyệt; chọn một phần diện tích Phường 9 và một phần diện tích Phường 4 để đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích, dân số cho phường mới sau khi sắp xếp.

Điều chỉnh một phần diện tích và dân số (0,27km², 146 người) của Phường 4 nhập vào phường Tân Xuyên là do phần ranh giới giữa Phường 4 và phường Tân Xuyên hiện nay nằm trên đất nông nghiệp. Đường ranh giới này cắt chéo ngang khu quy hoạch đô thị của tỉnh, nên khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị và quản lý hành chính sau này sẽ rất khó khăn.

Ngoài ra, năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định phê duyệt đồ án Quy hoạch khu dân cư đường Vành đai số 02, dự án này thuộc phạm vi phần diện tích của Phường 4 và phường Tân Xuyên, nên việc điều chỉnh lại địa giới hành chính khu dân cư tạo thuận lợi trong quản lý, phạm vi ranh giới rõ ràng do đi theo các trục đường chính, hạ tầng được tập trung đầu tư, sau khi sắp xếp đảm bảo theo quy hoạch được phê duyệt và thuận lợi trong quản lý hiện tại và cả tương lai.

1.2. Kết quả sau sắp xếp (nhập Phường 2, một phần Phường 9 và một phần Phường 4) thì Phường 2 có:

- Diện tích tự nhiên 2,43 km² (đạt 44,18% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 4.396 hộ, 23.478 người (đạt 335,40% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số 3.946 người (chiếm tỷ lệ 16,80%).
- Số hộ dân tộc thiểu số 764 hộ (đạt tỷ lệ 17,37%).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp Phường 5 và Phường 7; Phía Tây giáp Phường 9; Phía Nam giáp Phường 7 và Phường 8; Phía Bắc giáp phường Tân Xuyên.

¹ Phạm vi Phường 9 gồm từ tuyến dân cư đường Nguyễn Trãi đoạn từ đường Lê Lợi, Phường 2 đến vòng xoay đường Mậu Thân (thuộc khóm 1, khóm 2, khóm 3, khóm 4, khóm 5, khóm 6).

² Phạm vi Phường 4 gồm: Giáp đường Mậu Thân, đường Lâm Thành Mậu, giáp Phường 9.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của Phường 2: Dự kiến tại trụ sở làm việc của Phường 4 hiện nay (Đường số 02, Khu tái định cư, khóm 4, Phường 4, thành phố Cà Mau).

1.3. Kết quả sau sắp xếp thì Phường 9 còn lại:

- Diện tích tự nhiên 6,47 km² (đạt 117,63% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 14.205 người (đạt 202,93% so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp Phường 2; Phía Tây giáp Phường 1 và phường Tân Xuyên; Phía Nam giáp Phường 2; Phía Bắc giáp phường Tân Xuyên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của Phường 9: Tại trụ sở làm việc của Phường 9 hiện nay.

1.4. Kết quả sau sắp xếp thì Phường Tân Xuyên có:

Sau khi sáp nhập phần còn lại của Phường 4 (diện tích tự nhiên 0,27km², quy mô dân số 146 người) thì Phường Tân Xuyên có:

- Diện tích tự nhiên 20,70km² (đạt 376,36% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 9.838 người (đạt 140,54% so với tiêu chuẩn).
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp phường Tân Thành; Phía Tây giáp Phường 1, Xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình; Phía Nam giáp Phường 2, Phường 9; Phía Bắc giáp xã An Xuyên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Tân Xuyên: tại trụ sở làm việc của phường Tân Xuyên hiện nay.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ THUỘC KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP

1. Sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị cấp xã

Điều chỉnh 1,43 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 578 người của Xã Nguyễn Việt Khái thuộc huyện Phú Tân sáp nhập vào thị trấn Cái Đôi Vàm thuộc huyện Phú Tân có diện tích tự nhiên 22,57 km² và quy mô dân số là 18.348 người (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm).

1.1. Cơ sở và lý do của việc điều chỉnh

Điều chỉnh một phần địa giới hành chính của Xã Nguyễn Việt Khái sáp nhập vào thị trấn Cái Đôi Vàm nhằm giải quyết vấn đề bất hợp lý về phân định địa giới. Vì, thực tế một phần của Xã Nguyễn Việt Khái có trụ sở liên cơ quan của huyện (Trung tâm hành chính huyện Phú Tân), cùng với thị trấn Cái Đôi Vàm có chung đặc điểm của một đô thị trung tâm huyện lỵ Phú Tân, cùng chung định hướng phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

Việc sáp nhập một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số của Xã Nguyễn Việt Khái vào thị trấn Cái Đôi Vàm là phù hợp điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, đường địa giới hành chính, điều kiện kinh tế - xã hội và truyền thống, tập

tục trong sinh hoạt đời sống của Nhân dân tại địa phương; phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho những năm tiếp theo.

1.2. Kết quả sau sắp xếp (nhập một phần diện tích và dân số của Xã Nguyễn Việt Khái) thì thị trấn Cái Đôi Vàm có:

- Diện tích tự nhiên 24,00 km² (đạt 171,42% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 18.926 người (đạt 236,57% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số 627 người (chiếm tỷ lệ 3,31%).
- Các ĐVHC cấp xã liền kề: Phía Đông giáp xã Tân Hải và xã Rạch Chèo; Phía Tây giáp Biên Tây, Phía Nam giáp Xã Nguyễn Việt Khái, Phía Bắc giáp xã Tân Hải.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của thị trấn Cái Đôi Vàm: Tại trụ sở làm việc của thị trấn Cái Đôi Vàm hiện tại.

1.3. Kết quả sau sắp xếp thì Xã Nguyễn Việt Khái còn lại:

- Diện tích tự nhiên 107,05 km² (đạt 356,83% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 17.363 người (đạt 217,04% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số 526 người (chiếm tỷ lệ 3,03%).
- Các ĐVHC cấp xã liền kề: Phía Đông giáp xã Rạch Chèo; Phía Tây giáp Biên Tây, Phía Nam giáp cửa Sông Bảy Háp, Phía Bắc giáp thị trấn Cái Đôi Vàm.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của Xã Nguyễn Việt Khái: Tại trụ sở làm việc của Xã Nguyễn Việt Khái hiện tại.

III. LÝ DO ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ CHƯA THỰC HIỆN SẮP XẾP: Không có.

IV. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP XÃ DỰ KIẾN HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH: Không có.

V. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH CÀ MAU SAU SẮP XẾP

1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp

- a) ĐVHC cấp huyện 09 đơn vị (gồm 08 huyện và 01 thành phố).
- b) ĐVHC cấp xã 101 đơn vị (gồm 82 xã, 10 phường, 09 thị trấn).

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp

- a) ĐVHC cấp huyện 09 đơn vị (gồm 08 huyện và 01 thành phố).
- b) ĐVHC cấp xã 100 đơn vị (gồm 82 xã, 09 phường, 09 thị trấn).

3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp

- a) ĐVHC cấp huyện giảm: Không có.

b) ĐVHC cấp xã giảm 01 đơn vị (giảm 01 phường).

Phần IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

1.1.1. Đối với sắp xếp Phường 2 thành phố Cà Mau

Việc sắp xếp, sáp nhập Phường 2 nhằm đảm bảo hợp lý về địa giới, đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, tạo sự ổn định lâu dài, nhất là thuận lợi trong quản lý, phù hợp quy hoạch phát triển đô thị và định hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của thành phố Cà Mau; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản đội ngũ cán bộ, công chức, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Trong quá trình sắp xếp bộ máy, sẽ tập trung đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả về quản lý nhà nước, cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ; nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức của cán bộ, công chức. Ngân sách nhà nước được tiết kiệm, hiệu quả của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng cao, góp phần đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

1.1.2. Đối với việc điều chỉnh Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đồi Vàm)

Việc sáp nhập một phần diện tích của Xã Nguyễn Việt Khái vào thị trấn Cái Đồi Vàm nhằm mở rộng diện tích thị trấn theo quy hoạch, để trụ sở các cơ quan: Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và một số cơ quan của huyện, các cơ quan tỉnh đóng trên địa bàn huyện nằm trên địa giới hành chính thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân; bảo đảm hợp lý về chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn; giúp nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền địa phương.

1.2. Tác động tiêu cực

1.2.1. Đối với sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau

Quá trình chia tách, sáp nhập thay đổi địa giới hành chính thường có những xáo trộn nhất định, một số người dân phải điều chỉnh lại các loại giấy tờ tùy thân, giấy tờ sở hữu tài sản và các giấy tờ khác có thể hiện địa chỉ.

1.2.2. Đối với việc điều chỉnh Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đồi Vàm)

Việc thay đổi ĐVHC từ xã lên thị trấn sẽ ảnh hưởng đến một số người dân do phải điều chỉnh lại các loại giấy tờ tùy thân, giấy tờ sở hữu tài sản và các giấy tờ khác có thể hiện địa chỉ.

2. Tác động về kinh tế - xã hội (bao gồm tác động đến hoạt động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cuộc sống của Nhân dân trên địa bàn)

2.1. Tác động tích cực

2.1.1. Đối với sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau

Sau khi sắp xếp sẽ giảm được 01 ĐVHC cấp xã, đồng nghĩa với việc giảm được khoảng 17 cán bộ, công chức và 8 người hoạt động không chuyên trách. Hàng năm tiết kiệm chi ngân sách hành chính khoảng 6 tỷ đồng; vì vậy, công tác đầu tư phát triển được tập trung hơn, với việc sắp xếp lại Phường 2 sẽ giảm bớt một đầu mỗi đầu tư, tiết kiệm ngân sách, đồng thời qua đó tăng thêm nguồn lực về đất đai, về nhân lực và có điều kiện để phát triển ngày một mạnh mẽ hơn.

Có điều kiện để rà soát và thực hiện quy hoạch đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, tạo thuận lợi cho Nhân dân đi lại, phát triển các khu đô thị, nâng cao giá trị kinh tế.

Hệ thống giáo dục, y tế được sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng sẽ góp phần phục vụ Nhân dân được tốt hơn; công tác đảm bảo an sinh xã hội được chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy huy động nguồn lực đóng góp của Nhân dân, các nguồn lực xã hội hóa để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển hệ thống y tế, giáo dục.

2.1.2. Đối với việc điều chỉnh Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Sáp nhập một phần Xã Nguyễn Việt Khái vào thị trấn Cái Đôi Vàm ngoài yếu tố khách quan đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa của thị trấn hiện nay, thì mặt tích cực khác chính là tạo ra động lực, môi trường và điều kiện cho sự phát triển hơn nữa kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng chuyển dịch kinh tế nông nghiệp, nông thôn thành kinh tế đô thị với du lịch, dịch vụ, thương mại.

Mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm sẽ có tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Bởi quá trình hình thành và phát triển đô thị gắn liền với phát triển công nghiệp, phát triển hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao mức sống cho người dân. Ngoài ra, còn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hưởng đầy đủ, kịp thời các cơ chế ưu đãi theo pháp luật; chuyển dịch một số lượng lao động nông nghiệp sang làm việc ở lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

2.2. Tác động tiêu cực

2.2.1. Đối với sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau

Một bộ phận doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh đóng trên địa bàn sau khi sắp xếp sẽ phải tốn các chi phí phát sinh do thay đổi về địa chỉ, bằng hiệu,...

2.2.2. Đối với việc điều chỉnh Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Do phần sáp nhập diện tích và dân số ít nên không có tác động tiêu cực.

3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội

3.1. Tác động tích cực

3.1.1. Đối với sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau

Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững; chất lượng cán bộ Ban Chỉ huy quân sự phường, dân quân, tự vệ sau khi được kiện toàn theo hướng tinh nhuệ, chất lượng nòng cốt sẽ tham mưu hiệu quả các phương án quốc phòng cho địa phương.

Ranh giới phường sau khi sắp xếp đều nằm trên các tuyến đường lớn, hệ thống giao thông thuận lợi, đặc điểm tình hình về quốc phòng, khu vực phòng thủ giữa các đơn vị có sự tương đồng, do đó sau khi sáp nhập sẽ thuận lợi trong việc diễn tập phòng thủ, tác chiến trên các địa hình.

3.1.2. Đối với việc điều chỉnh Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Với việc nâng cấp bộ máy nhà nước từ xã thành thị trấn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước nói chung, trong đó có công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh. Cùng với đó, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như nhận thức của người dân không ngừng được nâng lên, hạn chế điều kiện phát sinh tội phạm. Ngoài ra, hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp giúp cho việc đi lại được thuận lợi, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh, giảm thiểu tai nạn giao thông.

3.2. Tác động tiêu cực

Sau khi sắp xếp lại Phường 2 và mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm cơ bản không có tác động tiêu cực.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Tác động tích cực

4.1.1. Đối với sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau

Sau khi sáp nhập, việc giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công được thực hiện đồng bộ do được quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; chất lượng công chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được quan tâm bố trí.

4.1.2. Đối với việc điều chỉnh Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Sau khi sáp nhập vào thị trấn sẽ thúc đẩy quá trình phục vụ đời sống Nhân dân trên địa bàn được tốt hơn. Trong quá trình thực hiện công nghệ số, người dân

sẽ được tiếp cận nhiều hơn các dịch vụ công, sẽ được tập trung quản lý, khai thác hiệu quả hơn khi chính quyền có sự phân định rõ ràng trong chức năng, nhiệm vụ quản lý.

4.2. Tác động tiêu cực khi sắp xếp Phường 2 và điều chỉnh Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Sau khi sắp xếp lại Phường 2 và mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm, không có tác động tiêu cực.

II. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP XÃ

1. Những thuận lợi

Việc xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Cà Mau (sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau và điều chỉnh Xã Nguyễn Việt Khái để mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân) là quyết tâm chính trị của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thành phố Cà Mau và huyện Phú Tân nói riêng cũng như của tỉnh Cà Mau nói chung. Đồng thời, việc sắp xếp nhận được sự đồng thuận cao trong Nhân dân tại địa phương.

Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các cấp có thẩm quyền để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng đề án; cũng như nhận được sự phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả của các đơn vị liên quan trong công tác xây dựng đề án, để thực hiện đề án nhanh chóng, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Những khó khăn, vướng mắc khi sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau và điều chỉnh địa giới hành chính Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Khi triển khai sáp nhập các ĐVHC cấp xã có một bộ phận người dân và doanh nghiệp phải chuyển đổi các giấy tờ có liên quan từ ĐVHC cũ sang ĐVHC mới.

Riêng việc sắp xếp Phường 2 sẽ tác động đến bộ máy tổ chức; cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và Nhân dân các phường liền kề có liên quan, nên cần quán triệt, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để xử lý tốt các vấn đề liên quan công tác tư tưởng, tạo sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ, công chức và người dân.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc (bao gồm các nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan)

3.1. Nguyên nhân khách quan

3.1.1. Đối với sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau

Do các yếu tố như lịch sử - truyền thống, dân cư - xã hội,... nên khi sắp xếp bước đầu có thể sẽ có ảnh hưởng đến đời sống và tâm lý của người dân.

3.1.2. Điều chỉnh địa giới hành chính Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức có sự khác biệt giữa xã Nguyễn Việt Khái và thị trấn Cái Đôi Vàm.

3.2. Nguyên nhân chủ quan đối với sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau và điều chỉnh địa giới hành chính Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Do tâm lý người dân còn e ngại việc làm lại các thủ tục, giấy tờ có liên quan trong việc thay đổi ĐVHC. Việc thay đổi địa chỉ cũng làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của người kinh doanh.

4. Giải pháp khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã

Tập trung làm tốt công tác vận động, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, ủng hộ cao trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân ở địa phương.

Chú trọng phương án bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư; bố trí, xử lý trụ sở làm việc và tài sản công; các chế độ, chính sách đặc thù; bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội và ổn định đời sống của Nhân dân ở các ĐVHC thực hiện sắp xếp. Tiếp tục khẳng định tinh thần đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt hơn nữa, hướng tới xây dựng hệ thống chính trị thực sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ.

Chủ động có kế hoạch cân đối, chuẩn bị ngân sách, nguồn lực từ sớm, huy động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ, tạo điều kiện cho các ĐVHC thực hiện sắp xếp trên địa bàn sớm ổn định về tổ chức và hoạt động.

Triển khai công việc bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; chú trọng giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa lịch sử, bản sắc của các địa phương, cộng đồng dân cư.

Tập trung nguồn lực hỗ trợ người dân và doanh nghiệp chuyển đổi giấy tờ có liên quan từ ĐVHC cũ sang ĐVHC mới, kịp thời ổn định cuộc sống, đảm bảo hoạt động quản lý nhà nước, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

III. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

1.1. Năm 2024

Căn cứ Công văn số 7178/BNV-CQĐP ngày 07/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc góp ý Phương án tổng thể sắp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 tỉnh Cà Mau và Công văn số 120/BNV-CQĐP ngày 09/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc phương án sắp xếp Phường 2 thuộc thành phố Cà Mau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau, Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân khẩn trương xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã, tổ chức lấy ý kiến cử tri, thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp

có liên quan; thông qua cấp ủy, Hội đồng nhân dân cấp huyện có liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, xây dựng thành 01 Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025, báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, cho ý kiến. Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh lập hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp các ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình Chính phủ kèm theo hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 gửi Bộ Nội vụ.

Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Cà Mau:

- Tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ấp, khóm ở ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tập trung giải quyết dứt điểm chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ấp, khóm dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

1.2. Năm 2025

- Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù tại các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 (nếu có).

- Tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở ấp, khóm dôi dư do sau đại hội đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 ở các ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Hoàn thành việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới

ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Sơ kết việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

Kinh phí tổ chức, thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các khoản 1, 2, 3 Điều 22 Nghị quyết số 35/UBTVQH 15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ngoài ra, ngân sách huyện, thành phố hỗ trợ cho việc xây dựng và lập Bản đồ và một số hoạt động khác liên quan đến việc chỉ đạo, tổ chức triển khai các hoạt động sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Đối với sắp xếp Phường 2 (mới), thành phố Cà Mau

Thực hiện kiện toàn lại tổ chức bộ máy của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của ĐVHC mới đảm bảo đúng theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh.

1.2. Điều chỉnh địa giới hành chính Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Sau khi sắp xếp điều chỉnh địa giới hành chính: Do chỉ sáp nhập một phần Xã Nguyễn Việt Khái vào thị trấn Cái Đôi Vàm, vì vậy giữ nguyên tổ chức bộ máy của 02 đơn vị Xã Nguyễn Việt Khái và thị trấn Cái Đôi Vàm, không có sự thay đổi.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách.

2.1. Đối với sắp xếp Phường 2 (mới), thành phố Cà Mau

- Các chức danh chủ chốt: Bố trí 06 người, theo cơ cấu: Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 01 người; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 02 người.

- Trưởng các đoàn thể: 05 người.

- Công chức chuyên môn: Cơ bản giữ nguyên hiện trạng số công chức cấp xã hiện có là 15 công chức.

- Người hoạt động không chuyên trách ở phường: 21 người.

- Người hoạt động không chuyên trách ở khóm: 20 người.

- Về Đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi sáp nhập: Phường 2 có 20 đại biểu, Phường 4 có 18 đại biểu, theo quy định tại Điều 134 Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì “Trường hợp nhiều đơn vị hành chính nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì đại biểu Hội đồng nhân dân của các đơn vị hành chính cũ được hợp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ”, vậy Phường 2 (mới) có 38 đại biểu hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ.

- Viên chức y tế 5 người.

- Lực lượng Công an từ 8 đến 11 người.

2.2. Điều chỉnh địa giới hành chính Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Do chỉ sáp nhập một phần Xã Nguyễn Việt Khái vào thị trấn Cái Đôi Vàm nên lượng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn xã Nguyễn Việt Khái và thị trấn Cái Đôi Vàm giữ nguyên như hiện trạng. Đồng thời, không làm ảnh hưởng đến số lượng người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

3.1. Đối với sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau

Khi sáp nhập Phường 2 vào Phường 4, số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách của 02 phường gồm có: 20 cán bộ, 16 công chức, 19 người hoạt động không chuyên trách, 10 viên chức y tế, 19 công an phường. Dự kiến bố trí nhận sự tại Phường 2 (mới) theo quy định gồm có: 11 cán bộ, 15 công chức, 21 người hoạt động không chuyên trách, 5 viên chức y tế, từ 8 đến 11 công an. Như vậy, còn dôi dư: 09 cán bộ (gồm: Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và 04 Trưởng đoàn thể), 01 công chức, 05 viên chức y tế và 08 Công an phường. Dự kiến xử lý như sau:

- Đối với cán bộ: 09 người.

+ 04 Trưởng đoàn thể: Xét chuyển công chức và bố trí làm việc tại các đơn vị khác 03 người, giải quyết theo chính sách tinh giản biên chế 01 người.

+ 03 cán bộ: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tại Phường 2 (mới), Ban Thường vụ Thành ủy Cà Mau sẽ có phương án bố trí khi đến đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030 hoặc đến bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031.

+ Còn lại: Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC, Ban Thường vụ Thành ủy sẽ có chủ trương điều động sang

các xã, phường khác hoặc rút về các cơ quan chức năng thuộc Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau.

- Đối với Công chức: 01 người (sắp xếp điều động sang đơn vị khác).
- Đối với 08 Công an phường, Công an tỉnh sẽ xem xét điều chuyển theo quy định.
- Đối với 05 viên chức y tế, sẽ giải quyết theo Phương án kiện toàn lại Trung tâm y tế thành phố Cà Mau đúng theo quy định.

** Đối với số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau khi sáp nhập không có người dôi dư (do được tính số lượng tăng thêm theo diện tích, dân số và việc bố trí hiện tại của các đơn vị là chưa đủ số lượng theo quy định); đối với các khóm, do khi điều chỉnh, sắp xếp không làm ảnh hưởng đến số lượng khóm hiện có, nên các tổ chức ở khóm không bị ảnh hưởng, theo đó không có trường hợp dôi dư.*

3.2. Điều chỉnh địa giới hành chính Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Việc điều chỉnh một phần Xã Nguyễn Việt Khái sáp nhập vào thị trấn Cái Đôi Vàm không ảnh hưởng đến bộ máy tổ chức và không có cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách dôi dư.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Đối với sắp xếp Phường 2, thành phố Cà Mau

Nơi đặt trụ sở làm việc của Phường 2 (mới): Dự kiến đặt tại trụ sở làm việc của Phường 4 hiện tại (Đường số 02, Khu tái định cư, khóm 4, Phường 4, thành phố Cà Mau).

Các trụ sở Phường 2 cũ gồm: Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND, Phường đội, Công an Phường, Trạm Y tế và trụ sở Khóm 3, Khóm 6 thuộc Phường 9 (trụ sở 2 khóm này nằm trên phần diện tích được điều chỉnh về Phường 2 (mới)), tất cả các trụ sở đều được xây dựng, sử dụng từ 5 năm trở lên. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC, Sở Tài chính sẽ hướng dẫn thực hiện các thủ tục xử lý tài sản theo quy định. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau sẽ chỉ đạo các phòng chuyên môn, Ủy ban nhân dân Phường 9 có kế hoạch xây dựng trụ sở Khóm 3 và Khóm 6 thuộc Phường 9 để hoạt động.

2. Điều chỉnh địa giới hành chính Xã Nguyễn Việt Khái (mở rộng thị trấn Cái Đôi Vàm)

Việc điều chỉnh một phần diện tích và dân số Xã Nguyễn Việt Khái sáp nhập vào thị trấn Cái Đôi Vàm không ảnh hưởng đến trụ sở làm việc.

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

Trước khi thực hiện sắp xếp, Phường 2 thuộc Khu vực I đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Sau khi thực hiện sắp xếp sẽ tiếp tục áp dụng các chế độ, chính sách như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ trình phê duyệt lại phường 2 (mới) là đơn vị cấp xã thuộc khu vực đồng bào dân tộc thiểu số theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Cà Mau giai đoạn 2023 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ chính sau:

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan Trung ương có liên quan để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh.

- Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Cà Mau. Trong đó giao các sở, ngành, UBND cấp huyện một số nhiệm vụ chính gồm:

** Đối với các sở, ngành:*

- Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch (bao gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan) bảo đảm phù hợp, thống nhất với phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Sở Nội vụ rà soát, tham mưu điều chỉnh biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách; phân loại lại ĐVHC cấp xã; triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính cấp xã theo quy định.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, của các cấp, các ngành, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã.

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu thực hiện rà soát điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan để bảo đảm sự thống nhất giữa các quy hoạch này với phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; đề xuất các biện pháp để đảm bảo hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí về phân loại đô thị sau khi hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính. Tổ chức rà soát, đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với

phường, thị trấn khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị.

- Sở Tài chính hướng dẫn việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của ĐVHC Phường 2 (cũ), thực hiện quy định về miễn phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc chuyển đổi Giấy phép kinh doanh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Rà soát, xác định diện tích tự nhiên các ĐVHC cấp xã trước và sau khi sắp xếp; xây dựng các bản đồ liên quan đến Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã theo yêu cầu hồ sơ sắp xếp, điều chỉnh, thành lập ĐVHC; chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Sở Tư pháp kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực hộ tịch và lý lịch tư pháp; hướng dẫn theo thẩm quyền việc áp dụng pháp luật về các nội dung liên quan khi thực hiện thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp.

- Công an tỉnh hướng dẫn, thực hiện việc thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới đối với ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC cấp xã do thực hiện sắp xếp.

- Ban Dân tộc rà soát, lập quy trình, thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận ĐVHC Phường 2 (mới) thuộc khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025; áp, khám đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**** Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện***

- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện xây dựng kế hoạch tuyên truyền, triển khai đầy đủ các văn bản của Trung ương và của tỉnh, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân hiểu rõ về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của việc thực hiện sắp xếp, điều chỉnh các ĐVHC cấp xã.

- Rà soát, sắp xếp tổ chức, bộ máy; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư; phối hợp quản lý, xử lý trụ sở, tài sản liên quan theo đúng quy định.

- Hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, điều chỉnh ĐVHC cấp xã đúng theo tiến độ, thời gian quy định.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính tiến hành hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ có liên quan do thay đổi địa giới hành.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể tại các đơn vị có điều chỉnh ĐVHC, đảm bảo công khai, dân chủ, đúng pháp luật.

- Rà soát, xây dựng phương án tiếp nhận, bàn giao, sử dụng các trụ sở làm việc, tài sản, cơ sở vật chất của ĐVHC (Phường 2) đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí, thất thoát.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Cà Mau là cần thiết, đảm bảo tiêu chuẩn quy định và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt; tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý, phát triển đô thị và phát triển kinh tế xã hội của địa phương; góp phần tinh gọn tổ chức, bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương; được sự đồng thuận cao trong cán bộ, Nhân dân các xã, phường, thị trấn, ấp, khóm liên quan và phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Việc xây dựng Đề án sáp nhập các ĐVHC cấp xã là việc cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong quá trình đổi mới, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; là việc làm thiết thực, phù hợp yêu cầu thực tiễn và xu thế phát triển của thành phố Cà Mau trong thời gian tới.

Việc sắp xếp tinh giản bộ máy, biên chế là vấn đề khó khăn, phức tạp và nhạy cảm liên quan trực tiếp đến hoạt động của các tổ chức và quyền lợi của cán bộ, công chức,... Vì vậy, để thực hiện hiệu quả Đề án, đòi hỏi phải có quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục; phải xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện rõ ràng, không nóng vội, chủ quan, duy ý chí.

2. Kiến nghị, đề xuất

Để thực hiện nghiêm túc Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và căn cứ ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 7178/BNV-CQĐP ngày 07/12/2023 về việc góp ý Phương án tổng thể sắp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 tỉnh Cà Mau và Công văn số 120/BNV-CQĐP ngày 09/01/2024 về việc phương án sắp xếp Phường 2 thuộc thành phố Cà Mau. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xây

dụng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, trình Bộ Nội vụ tổ chức thẩm định, trình Chính phủ.

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Quốc Việt

TỈNH CÀ MAU

Phụ lục 1-1A

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Tên ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
				Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Các huyện										
1	Huyện Thới Bình			7.052	3,83		636,30	141,40	184.297	153,58	12
2	Huyện U Minh			6.206	4,64		775,89	172,42	133.789	111,49	8
3	Huyện Trần Văn Thời			8.768	3,66		703,47	156,33	239.449	199,54	13
4	Huyện Cái Nước			1.797	1,01		417,08	92,68	178.422	148,69	11
5	Huyện Phú Tân			2.954	2,21		450,60	100,13	133.581	111,32	9
6	Huyện Đầm Dơi			8.274	3,77		816,07	181,35	219.262	182,72	16
7	Huyện Năm Căn			2.021	2,32		490,85	109,08	87.097	72,58	8
8	Huyện Ngọc Hiển			2.359	2,61		734,63	163,25	90.236	75,20	7
II	Các thành phố										
1	Thành phố Cà Mau			8.380	3,34		249,63	166,42	250.834	167,22	17

TỈNH CÀ MAU

Phụ lục 1-2A

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Các xã:										
1	Xã Biển Bạch Đông	Huyện Thới Bình			205	1,41		71,42	238,07	14.551	181,89
2	Xã Biển Bạch	Huyện Thới Bình			149	1,60		41,71	139,02	9.321	116,51
3	Xã Tân Bàng	Huyện Thới Bình			112	0,95		45,10	150,32	11.847	148,09
4	Xã Trí Phải	Huyện Thới Bình			145	0,85		37,45	124,82	17.153	214,41
5	Xã Trí Lực	Huyện Thới Bình			231	2,47		35,27	117,57	9.361	117,01
6	Xã Tân Phú	Huyện Thới Bình			1.077	4,81		93,92	313,05	22.385	279,81
7	Xã Thới Bình	Huyện Thới Bình			630	2,58		100,02	333,41	24.457	305,71
8	Xã Tân Lộc	Huyện Thới Bình			812	5,58		27,60	92,01	14.545	181,81
9	Xã Tân Lộc Bắc	Huyện Thới Bình			670	5,28		28,09	93,64	12.679	158,49
10	Xã Tân Lộc Đông	Huyện Thới Bình			58	0,74		41,10	136,99	7.851	98,14
11	Xã Hồ Thị Kỷ	Huyện Thới Bình			2.736	10,05		93,59	311,97	27.225	340,31
12	Xã Khánh An	Huyện U Minh			240	1,18		156,41	521,37	20.395	254,94
13	Xã Nguyễn Phích	Huyện U Minh			880	3,31	Xã ĐBK	157,08	523,60	26.620	665,50
14	Xã Khánh Lâm	Huyện U Minh			1.916	10,13	Xã ĐBK	108,65	362,17	18.911	472,78
15	Xã Khánh Hội	Huyện U Minh			784	5,49		35,14	117,14	14.286	178,58
16	Xã Khánh Hòa	Huyện U Minh			1.243	9,66		65,37	217,88	12.869	160,86
17	Xã Khánh Thuận	Huyện U Minh			720	4,39	Xã ĐBK	168,64	562,14	16.416	410,40

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
18	Xã Khánh Tiến	Huyện U Minh			253	1,62		66,28	220,93	15.596	194,95
19	Xã Khánh Hải	Huyện Trần Văn Thời			362	2,18		62,90	209,66	16.601	207,51
20	Xã Khánh Bình	Huyện Trần Văn Thời			373	2,64		36,90	122,99	14.148	176,85
21	Xã Khánh Hưng	Huyện Trần Văn Thời			1.579	6,78		66,70	222,33	23.296	291,20
22	Xã Lợi An	Huyện Trần Văn Thời			350	2,17		45,88	152,92	16.141	201,76
23	Xã Trần Hợi	Huyện Trần Văn Thời			804	4,44		92,43	308,09	18.103	226,29
24	Xã Khánh Lộc	Huyện Trần Văn Thời				0,00		28,39	94,64	10.601	132,51
25	Xã Khánh Bình Đông	Huyện Trần Văn Thời			1.336	5,42		67,61	225,37	24.628	307,85
26	Xã Phong Lạc	Huyện Trần Văn Thời			148	1,28		33,38	111,26	11.543	144,29
27	Xã Phong Điền	Huyện Trần Văn Thời			288	1,77		72,19	240,62	16.287	203,59
28	Xã Khánh Bình Tây	Huyện Trần Văn Thời			1.603	8,57		51,19	170,62	18.695	233,69
29	Xã Khánh Bình Tây Bắc	Huyện Trần Văn Thời			896	4,53		95,64	318,81	19.765	247,06
30	Xã Lương Thế Trân	Huyện Cái Nước			48	0,35		31,08	103,58	13.582	169,78
31	Xã Thạnh Phú	Huyện Cái Nước			32	0,17		33,47	111,57	18.451	230,64
32	Xã Phú Hưng	Huyện Cái Nước			114	0,56		43,48	144,93	20.249	253,11
33	Xã Hưng Mỹ	Huyện Cái Nước			83	0,55		36,05	120,15	14.987	187,34
34	Xã Hoà Mỹ	Huyện Cái Nước			170	1,50		33,92	113,07	11.339	141,74
35	Xã Tân Hưng	Huyện Cái Nước			212	1,01		56,16	187,18	21.067	263,34
36	Xã Tân Hưng Đông	Huyện Cái Nước			297	1,45		52,54	175,13	20.470	255,88
37	Xã Đông Thới	Huyện Cái Nước			616	5,86		28,48	94,92	10.507	131,34
38	Xã Đông Hưng	Huyện Cái Nước			111	0,82		34,28	114,28	13.552	169,40
39	Xã Trần Thới	Huyện Cái Nước			75	0,49		42,15	140,50	15.272	190,90

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
40	Xã Phú Mỹ	Huyện Phú Tân			248	2,08		44,57	148,57	11.951	149,39
41	Xã Phú Thuận	Huyện Phú Tân			143	1,07		43,22	144,07	13.396	167,45
42	Xã Phú Tân	Huyện Phú Tân			578	2,79		57,54	191,80	20.719	258,99
43	Xã Tân Hải	Huyện Phú Tân			280	2,11		44,23	147,42	13.240	165,50
44	Xã Tân Hưng Tây	Huyện Phú Tân			263	1,76		42,34	141,13	14.961	187,01
45	Xã Rạch Chèo	Huyện Phú Tân			135	1,16		48,10	160,33	11.634	145,43
46	Xã Nguyễn Việt Khái	Huyện Phú Tân			538	3,00		108,49	361,63	17.941	224,26
47	Xã Việt Thắng	Huyện Phú Tân			154	1,35		39,54	131,80	11.391	142,39
48	Xã Thanh Tùng	Huyện Đầm Dơi			1.729	14,24	Khu vực III dân tộc	47,64	158,81	12.146	151,83
49	Xã Ngọc Chánh	Huyện Đầm Dơi			815	5,95	Xã ĐBK	42,32	141,05	13.688	342,20
50	Xã Quách Phẩm	Huyện Đầm Dơi			538	4,01		37,46	124,87	13.423	167,79
51	Xã Quách Phẩm Bắc	Huyện Đầm Dơi			450	3,13	Xã ĐBK	36,26	120,88	14.364	359,10
52	Xã Trần Phán	Huyện Đầm Dơi			600	3,49		41,84	139,45	17.172	214,65
53	Xã Tân Trung	Huyện Đầm Dơi			72	0,60		33,08	110,26	11.918	148,98
54	Xã Tân Duyệt	Huyện Đầm Dơi			770	4,21		52,41	174,70	18.281	228,51
55	Xã Tân Dân	Huyện Đầm Dơi			62	0,84		32,33	107,78	7.421	92,76
56	Xã Tạ An Khương	Huyện Đầm Dơi			231	1,86		37,74	125,79	12.419	155,24
57	Xã Tạ An Khương Đông	Huyện Đầm Dơi			210	1,95		36,37	121,23	10.771	134,64
58	Xã Tạ An Khương Nam	Huyện Đầm Dơi			188	1,99		31,02	103,38	9.427	117,84
59	Xã Tân Đức	Huyện Đầm Dơi			206	1,30		63,05	210,16	15.790	197,38
60	Xã Tân Tiến	Huyện Đầm Dơi			572	3,69		93,05	310,17	15.495	193,69
61	Xã Nguyễn Huân	Huyện Đầm Dơi			644	3,65		114,10	380,32	17.632	220,40
62	Xã Tân Thuận	Huyện Đầm Dơi			1.070	5,77		106,79	355,98	18.546	231,83

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
63	Xã Hàm Rồng	Huyện Năm Căn			221	2,54		42,13	140,42	8.716	108,95
64	Xã Đất Mới	Huyện Năm Căn			71	0,73		68,14	227,13	9.703	121,29
65	Xã Lâm Hải	Huyện Năm Căn			195	1,78		123,47	411,58	10.952	136,90
66	Xã Hàng Vịnh	Huyện Năm Căn			192	2,08		24,84	82,81	9.253	115,66
67	Xã Hiệp Tùng	Huyện Năm Căn			99	1,30		36,62	122,07	7.630	95,38
68	Xã Tam Giang	Huyện Năm Căn			225	2,40		101,74	339,13	9.361	117,01
69	Xã Tam Giang Đông	Huyện Năm Căn			176	2,71		66,90	222,99	6.505	81,31
70	Xã Tân Ân	Huyện Ngọc Hiển			308	4,37		62,45	208,17	7.045	88,06
71	Xã Tam Giang Tây	Huyện Ngọc Hiển			495	3,93		111,75	372,51	12.590	157,38
72	Xã Tân Ân Tây	Huyện Ngọc Hiển			208	1,96		106,48	354,93	10.599	132,49
73	Xã Viên An	Huyện Ngọc Hiển			393	2,61		126,81	422,70	15.055	188,19
74	Xã Viên An Đông	Huyện Ngọc Hiển			121	0,83		134,15	447,17	14.515	181,44
75	Xã Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển			577	3,34	Xã ĐBK	147,22	490,72	17.288	432,20
76	Xã Tắc Vân	Thành phố Cà Mau			793	5,72		5,59	18,64	13.875	173,44
77	Xã Tân Thành	Thành phố Cà Mau			87	0,85		24,22	80,72	10.201	127,51
78	Xã Định Bình	Thành phố Cà Mau			88	0,85		22,74	75,81	10.344	129,30
79	Xã Hòa Tân	Thành phố Cà Mau			29	0,25		33,12	110,41	11.563	144,54
80	Xã Hòa Thành	Thành phố Cà Mau			132	1,02		31,15	103,83	12.909	161,36
81	Xã Lý Văn Lâm	Thành phố Cà Mau			162	0,90		24,20	80,68	18.083	226,04
82	Xã An Xuyên	Thành phố Cà Mau			110	0,69		36,63	122,09	15.945	199,31
II	Các thị trấn:										
1	Thị trấn Thới Bình	Huyện Thới Bình			227	1,76		21,03	150,22	12.922	161,53
2	Thị trấn U Minh	Huyện U Minh			170	1,95		18,33	130,91	8.696	108,70
3	Thị trấn Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời			380	2,65		21,37	152,67	14.330	179,13

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Thị trấn Sông Đốc	Huyện Trần Văn Thời			649	1,84		28,90	206,44	35.311	441,39
5	Thị trấn Cái Nước	Huyện Cái Nước			39	0,21		25,48	181,99	18.946	236,83
6	Thị trấn Cái Đôi Vàm	Huyện Phú Tân			615	3,35		22,57	161,23	18.348	229,35
7	Thị trấn Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi			117	1,09		10,62	75,83	10.769	134,61
8	Thị trấn Năm Căn	Huyện Năm Căn			842	3,37		27,01	192,94	24.977	312,21
9	Thị trấn Rạch Gốc	Huyện Ngọc Hiển			257	1,96		45,76	326,86	13.144	164,30
III	Các phường:										
1	Phường 1	Thành phố Cà Mau			1.242	8,71		3,67	66,69	14.265	203,79
2	Phường 2	Thành phố Cà Mau			1.733	25,68	Khu vực I dân tộc	0,25	4,60	6.748	96,40
3	Phường 4	Thành phố Cà Mau			1.234	9,67		1,88	34,13	12.760	182,29
4	Phường 5	Thành phố Cà Mau			697	2,99		2,04	37,10	23.279	332,56
5	Phường 6	Thành phố Cà Mau			420	1,71		12,56	228,39	24.551	350,73
6	Phường 7	Thành phố Cà Mau			269	2,08		3,13	56,85	12.945	184,93
7	Phường 8	Thành phố Cà Mau			416	1,50		9,77	177,59	27.661	395,16
8	Phường 9	Thành phố Cà Mau			760	4,15		7,04	127,95	18.321	261,73
9	Phường Tân Xuyên	Thành phố Cà Mau			161	1,66		20,43	371,41	9.692	138,46
10	Phường Tân Thành	Thành phố Cà Mau			47	0,61		11,21	203,81	7.692	109,89

TỈNH CÀ MAU

Phụ lục 1-2B

THÔNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023-2025
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Các xã:										
1	Xã Tắc Vân	Thành phố Cà Mau			793	5,72		5,59	18,64	13.875	173,44
II	Các phường:										
1	Phường 2	Thành phố Cà Mau			1.733	25,68	Khu vực I dân tộc thiểu số	0,25	4,60	6.748	96,40

TỈNH CÀ MAU

Phụ lục 1-2C

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Thuộc ĐVHC cấp huyện	Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
					Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km2)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thị trấn Cái Đôi Vàm	Huyện Phú Tân			615	3,35		22,57	161,23	18.348	229,35